

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DIÊN KHÁNH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Tín

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Minh Cảnh

Bà Vũ Thị Thanh Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 127/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Bé T** Sinh năm: 196x

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện D.K, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn A** Sinh năm: 196x

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện D.K, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Bé T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà (Phạm Thị Bé T) và ông Nguyễn Văn A quen biết, tìm hiểu nhau từ năm 1994. Đến ngày 13/01/1996 thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã H, thị xã Tuy Hòa (nay là huyện Phú Hòa), tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, thời gian đầu quan hệ vợ chồng bình thường; đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông A không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm vợ con; có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Ông A hay bỏ nhà đi, thỉnh thoảng mới về nhà nhưng lại kiếm cớ gây sự rồi lại bỏ đi. Bà đã cố gắng chịu đựng và nhiều lần tìm cách hòa giải để hàn gắn nhưng không được; mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng trầm trọng. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông A, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông A.

Về con chung: Vợ chồng bà có ba con chung là Nguyễn Thị Thu Đ, sinh ngày 09/3/199x, Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 11/9/199x và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 22/6/200x; hiện các con đều đã đủ 18 tuổi, sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn A không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.*

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; bị đơn không có lời khai, không đến Tòa án làm việc.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Bé T đối với ông Nguyễn Văn A. Bà T xác định vợ chồng có ba con chung, hiện đã đủ 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên không giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không giải quyết. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Văn A tham gia phiên tòa nhưng ông A vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1]. Ngày 13/01/1996, bà Phạm Thị Bé T và ông Nguyễn Văn A tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 04, Quyển số I/1996; đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Bà T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; ông A hay bỏ nhà đi thỉnh thoảng mới về nhà; vợ chồng đã sống ly

thân nhiều năm, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Hiện tại, bà T không còn tình cảm với ông A; không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông A. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và nhiều lần triệu tập ông A đến Tòa án để lấy lời khai về yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T cũng như tham gia phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, nhưng ông A đều không đến, không có văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa ông A cũng vắng mặt không lý do. Điều này thể hiện việc ông A có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của vợ chồng, không có mong muốn hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã D thì quá trình chung sống giữa bà T và ông A hay xảy ra mâu thuẫn, đánh nhau; trưởng thôn có đến nhà hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Bà Phạm Thị Bé T xác định vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị Thu Đ, sinh ngày 09/3/199x, Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 11/9/199x và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 22/6/200x. Xét lời khai của bà T là phù hợp với nội dung trong giấy khai sinh của Nguyễn Thị Thu Đ, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Thu N mà bà T đã cung cấp. Bà T xác định hiện các con đều đã đủ 18 tuổi, sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xét. Do bị đơn ông A chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phạm Thị Bé T được ly hôn ông Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Bé T xác định vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị Thu Đ, sinh ngày 09/3/199x, Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 11/9/199x và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 22/6/200x; hiện các con đều đã đủ 18 tuổi, sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Bé T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xét. Bị đơn ông Nguyễn Văn A chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Bé T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Phạm Thị Bé T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0007375 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa; như vậy, bà Phạm Thị Bé T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Bé T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND xã H, huyện Phú Hòa,  
tỉnh Phú Yên (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

*(Đã ký)*

**Nguyễn Trung Tín**